TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 22 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Khánh V**, sinh năm 1986; căn cước công dân số 044186012138, cấp ngày 11/8/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Phòng C - CT3, chung cư A, đường D, phường V, thành phố H; địa chỉ liên hệ: Nhà số A Kiệt F Đ, phường T, thành phố Huế.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Thành T,** sinh năm 1985; căn cước công dân số 049085002426, cấp ngày 15/5/2025, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Phòng C - CT3, chung cư A, đường D, phường V, thành phố Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 33, 37, 38, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Khánh V và anh Nguyễn Thành T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị V và anh T xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Tường P, sinh ngày 17/7/2013, hiện nay đang sống cùng với chị V.

Giao con Nguyễn Tường P cho chị Nguyễn Thị Khánh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Thành T không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị Nguyễn Thị Khánh V và anh Nguyễn Thành T thỏa thuận:

2.2.1. Giao cho chị Nguyễn Thị Khánh V được được toàn quyền sở hữu và quản lý, sử dụng đối với một lô đất số A.04.20 Đồi Tâm An thuộc dự án Công viên Nghĩa trang H tại phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường H, thành phố H) có diện tích: 71,40 m², thuộc tờ bản đồ số 42 – thửa đất số 276, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn liền với hạ tầng cho phần mộ cá nhân số CC234 mang tên Nguyễn Thành T, kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 397307 của Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp cho Công ty Cổ phần V1 ngày 20/10/2020, có giá trị 1.000.000.000 đồng.

2.2.2. Giao cho anh Nguyễn Thành T được toàn quyền sở hữu và quản lý, sử dụng đối với các tài sản:

- Một căn hộ chung cư tại tầng C, phòng 3C1-CT3, Chung cư A, thành phố H, diện tích 60,87m² theo Biên bản bàn giao căn hộ kèm Hợp đồng mua bán chung cư nhà ở xã hội, số: 3C1-CT3/HĐMB-XH ngày 27 tháng 01 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần A với bà Nguyễn Thị Khánh V và ông Nguyễn Thành T, thuộc dự án: Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại lô đất CHC1, Khu A-Khu Đô thị M, thành phố H có giá trị là 1.200.000.000 đồng.

- Một lô đất số D.22.10.1 Đồi Đại An, thuộc dự án Công viên Nghĩa trang H tại phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường H, thành phố H) có diện tích: 22,49 m², thuộc tờ bản đồ số 42 – thửa đất số 276, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất gắn liền với hạ tầng cho phần mộ cá nhân số CC235 mang tên Nguyễn Thành T, kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 397307 của Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp cho Công ty Cổ phần V1 ngày 20/10/2020, có giá trị là 200.000.000 đồng.

- Một lô đất số D.22.10.4 Đồi Đại An, thuộc dự án Công viên Nghĩa trang H tại phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường H, thành phố H) có diện tích: 22,49 m², thuộc tờ bản đồ số 42 thửa đất số 276, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất gắn liền với hạ tầng cho phần mộ cá nhân số CC236 mang tên Nguyễn Thành T, kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 397307 của Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp cho Công ty Cổ phần V1 ngày 20/10/2020, có giá trị 200.000.000 đồng.

2.2.3. Về nghĩa vụ về tài sản: Anh Nguyễn Thành T và chị Nguyễn Thị Khánh V có khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/4134093/HĐTD ngày 16/12/2021 ký kết giữa ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Khánh V với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh T1 với số tiền gốc còn lại tính đến ngày 19/11/2025 là 37.456.699 đồng, Ngân hàng TMCP Đ không có yêu cầu độc lập đối với khoản nợ này.

Anh Nguyễn Thành T và chị Nguyễn Thị Khánh V thỏa thuận anh Nguyễn Thành T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ với số tiền gốc còn lại tính đến ngày 19/11/2025 là 37.456.699 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nói trên.

2.2.4. Anh Nguyễn Thành T có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch về giá trị tài sản là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Khánh V.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2.5. Chị Nguyễn Thị Khánh V, anh Nguyễn Thành T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2.4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Khánh V chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 25.500.000 đồng án phí phân chia tài sản chung, tổng cộng là 25.650.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Do chị V đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000324 ngày 29/7/2025; đã nộp 14.000.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản chung theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000207 ngày 29/8/2025 và 7.750.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản chung theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000845 ngày 05/11/2025 của của Thi hành án dân sự thành phố H; nên chị V phải nộp thêm 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Thành T phải chịu 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm năm nghìn đồng) án phí phân chia tài sản chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường Thuận Hóa, TP. Huế *(ĐKKH số 112 ngày 09/10/2012 tại UBND phường Trường An cũ);*
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình